

CHỈ TIÊU KẾ HOẠCH PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI NĂM 2025 - XÃ BẮC HÀ

(Kèm theo Tờ trình số:

/TTr-UBND ngày

/7/2025 của UBND xã Bắc Hà)

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Kế hoạch năm 2025		Ghi chú
			Tỉnh giao	Xã giao	
A	CHỈ TIÊU TỔNG HỢP				
1	Tốc độ tăng trưởng kinh tế (GRDP)	%		15,30	
2	GRDP bình quân đầu người	Triệu đồng/người		76,25	
3	Cơ cấu kinh tế trong (GRDP)				
-	Nông lâm, ngư nghiệp	%		23,11	
-	Công nghiệp - Xây dựng	%		12,43	
-	Dịch vụ	%		64,46	
4	Thu nhập Bình quân đầu người	Triệu đồng		48,10	
5	Tổng mức đầu tư toàn xã hội	Tỷ đồng		2.000	
7	Tổng mức bán lẻ hàng hóa và dịch vụ xã hội đạt	Tỷ đồng		2.000	
8	Số bác sĩ trên 1 vạn dân	Bác sĩ/vạn dân	17,77	17,77	
9	Tốc độ tăng dân số tự nhiên	%	1,3	1,3	
10	Tỷ lệ thu gom rác thải sinh hoạt tại các đô thị	%		100	
11	Tỷ lệ chất thải rắn sinh hoạt tại khu vực nông thôn tập trung được thu gom, xử lý	%		85	
B	DIỆN TÍCH CÂY TRỒNG NÔNG, LÂM NGHIỆP; CHĂN NUÔI, THỦY SẢN				
I	Nông nghiệp				
1	Cây lúa cả năm, trong đó:	Ha	1.263	1.266	
2	Cây ngô cả năm	Ha	1.778	1.778	
3	Rau đậu các loại	Ha		343,50	
4	Cây Lạc đỗ địa phương	Ha		130	
5	Diện tích cây dược liệu	Ha	40	43	
6	Cây ăn quả	Ha		868	
7	Giá trị sản phẩm thu hoạch/ha đất trồng trọt và nuôi trồng thủy sản	Triệu/ha		80	
II	Lâm nghiệp				
1	Trồng rừng mới sản xuất	Ha	17	17	
2	Diện tích rừng được khoán, bảo vệ theo chính sách	Ha	4.626,2	4.626,2	
3	Diện tích rừng được khoanh nuôi tái sinh	Ha	23,49	23,49	
-	Khoanh nuôi mới	Ha	23	23	
4	Diện tích Quế	Ha		785	
5	Tỷ lệ che phủ rừng	%	37,11	37,11	
III	Chăn nuôi (trung bình trong năm)				
1	Tổng đàn gia súc	Con	29.800	29.816	

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Kế hoạch năm 2025		Ghi chú
			Tỉnh giao	Xã giao	
2	Tổng đàn gia cầm	1000 con	140,30	140,37	
3	Thịt hơi các loại	Tấn	1.954	1.954	
IV	Thủy sản				
1	Diện tích nuôi trồng thủy sản trên ao, hồ nhỏ	Ha	8,6	8,6	
2	Sản lượng nuôi trồng, đánh bắt (ao hồ, cá nước lạnh, cá lồng)	Tấn	27	27	
V	Sản lượng nông nghiệp chủ yếu				
1	Tổng sản lượng lương thực có hạt	Tấn	15.420	15.472,7	
-	Thóc	Tấn	7.134	7.168,1	
-	Ngô cả năm	Tấn	8.286	8.304,6	
2	Sản lượng cây ăn quả	Tấn		2.853	
3	Lương thực bình quân đầu người	kg/người		521,28	
VI	Phát triển nông thôn				
1	Tỷ lệ số hộ dân nông thôn có nhà tiêu hợp vệ sinh	%		86,7	
2	Tỷ lệ dân nông thôn được sử dụng nước hợp vệ sinh	%		98	
3	Số tiêu chí xã nông thôn mới hoàn thành	Tiêu chí		16	
C	TIÊU THỦ CÔNG NGHIỆP, QUY HOẠCH				
1	Giá trị sản xuất tiểu thủ công nghiệp (giá SS 2010)	Tỷ đồng	193,46	193,46	
D	TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG				
I	Đo đạc địa chính				
1	Trích lục đo bản đồ địa chính				
1.1	Trích lục bản đồ địa chính				
-	Hộ gia đình	Thửa	200	200	
1.2	Trích đo địa chính				
-	Hộ gia đình	Thửa	100	100	
II	ĐĂNG KÝ ĐẤT ĐAI, LẬP HỒ SƠ ĐỊA CHÍNH, CẤP GIẤY CNQSD ĐẤT				
1	Đăng ký, cấp giấy chứng nhận: Lần đầu, cấp đổi, cấp lại GCN QSD đất, quyền sở hữu nhà ở và các tài sản khác gắn liền với đất	Giấy			
*	Hộ gia đình cá nhân				
-	Cấp GCN QSD đất đơn lẻ tại các huyện			90	
+	Cấp GCN lần đầu	Giấy		90	
2	Đăng ký biến động quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất (chuyển nhượng, cho tặng, thừa kế, tách thửa, hợp thửa, chuyển mục đích, đính chính sai sót, gia hạn SDD và đăng ký các biến động khác...)	Giấy			

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Kế hoạch năm 2025		Ghi chú
			Tỉnh giao	Xã giao	
*	Hộ gia đình cá nhân	Giấy			
-	Cấp mới giấy chứng nhận.	Giấy	5	200	
-	Đăng ký biến động trên GCNQSD đất đã cấp	Giấy	2	150	
E	THU CHI NGÂN SÁCH XÃ				
1	Tổng thu Ngân sách trên địa bàn	Triệu	334.636	334.636	
2	Tổng thu Ngân sách địa phương	Triệu	1.824.885	1.824.885	
3	Tổng chi Ngân sách địa phương	Triệu	1.824.885	1.824.885	
F	PHÁT TRIỂN SỰ NGHIỆP Y TẾ				
I	Các chỉ tiêu tổng hợp				
1	Số bác sĩ/10.000 dân	Bác sĩ	17,77	17,77	
2	Số giường bệnh/10.000 dân	Giường	60,40	60,40	
3	Tỷ lệ giảm suy dinh dưỡng trẻ 5 tuổi (thể cân nặng/tuổi)	%	15,18	15,18	
4	Tỷ lệ giảm suy dinh dưỡng trẻ 5 tuổi (Thể chiều cao trên tuổi)	%	23	23	
5	Tỷ lệ người dân hài lòng với dịch vụ y tế	%	>90	>90	
6	Tỷ lệ dân số được quản lý bằng hồ sơ sức khỏe điện tử	%	>90	>90	
7	Tỷ lệ bao phủ bảo hiểm y tế	%	95,2	95,2	
II	Y tế - Dân số				
1	Phòng chống bệnh phong				
-	Tỷ lệ lưu hành bệnh phong/10.000 dân	1/10000	<0,2	<0,2	
2	Phòng chống lao				
-	Số phát hiện bệnh nhân lao các thể	Bệnh nhân	7,00	7,00	
-	Tỷ lệ điều trị thành công	%	≥90	≥90	
3	Phòng chống bệnh sốt rét:				
-	Tỷ lệ mắc sốt rét/1.000 dân	1/1000	<0,01	<0,01	
4	Phòng chống Tăng huyết áp				
-	Tỷ lệ người phát hiện bệnh tăng huyết áp được quản lý điều trị theo hướng dẫn chuyên môn	%	50	50	
5	Đái tháo đường				
-	Tỷ lệ người phát hiện bệnh đái tháo đường được quản lý điều trị theo hướng dẫn chuyên môn	%	55	55	
6	Bảo vệ sức khỏe tâm thần cộng đồng và trẻ em				
-	Tỷ lệ BN được quản lý	%	100	100	
-	Tỷ lệ BN được điều trị ổn định	%	85	85	
7	Bệnh phổi tắc nghẽn mãn tính và hen phế quản				
-	Tỷ lệ bệnh nhân Bệnh phổi tắc nghẽn mãn tính được phát hiện và điều trị đúng phác đồ	%	80	80	
8	Quản dân y kết hợp				
-	Tỷ lệ các đơn vị dự bị động viên, đội cơ động sẵn sàng cơ động	%	100	100	
9	Tiêm chủng mở rộng				
-	Tỷ lệ trẻ dưới 1 tuổi được tiêm chủng đầy đủ 8 loại vắc xin	%	≥95	≥95	
-	Tỷ lệ tiêm vắc xin Sởi mũi 2	%	≥95	≥95	

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Kế hoạch năm 2025		Ghi chú
			Tỉnh giao	Xã giao	
-	Tỷ lệ tiêm chủng vắc xin uốn ván cho phụ nữ có thai	%	≥90	≥90	
10	Dân số và Phát triển				
-	Dân số trung bình	Người	29.824	29.824	
-	Tốc độ tăng dân số tự nhiên	%	1,30	1,30	
-	Mức giảm tỷ lệ sinh	‰	0,60	0,60	
-	Tỷ lệ phụ nữ mang thai được sàng lọc trước sinh	%	75	75	
-	Tỷ lệ trẻ sơ sinh được sàng lọc	%	65	65	
-	Tỷ lệ nam, nữ thanh niên thực hiện tư vấn khám sức khỏe trước khi kết hôn	%	30	30	
-	Tỷ lệ người cao tuổi được khám sức khỏe định kỳ ít nhất 1 lần/năm	%	70	70	
-	Tỷ lệ các cặp vợ chồng trong độ tuổi sinh đẻ áp dụng các BPTT Hiện đại	%	71,2	71,2	
11	Chăm sóc sức khỏe sinh sản và cải thiện tình trạng dinh dưỡng trẻ em				
-	Tỷ lệ phụ nữ có thai được khám thai ít nhất 3 lần trong 3 thai kỳ	%	89	89	
-	Tỷ lệ phụ nữ đẻ được nhân viên y tế đã qua đào tạo đỡ	%	95	95	
-	Tỷ lệ bà mẹ và trẻ sơ sinh được chăm sóc sau sinh tại nhà trong vòng 42 ngày sau đẻ	%	83	83	
12	Đảm bảo an toàn vệ sinh thực phẩm				
-	Tỷ lệ cơ sở sản xuất, chế biến và kinh doanh thực phẩm được kiểm tra đạt yêu cầu về VSATTP	%	85	85	
-	Tỷ lệ các cơ sở dịch vụ ăn uống có giấy phép kinh doanh được cấp GCN cơ sở đủ ĐK VSATTP	%	85	85	
-	Tỷ lệ ca ngộ độc trong các vụ ngộ độc thực phẩm được báo cáo/ 100.000 dân	ca mắc	<7	<7	
13	Phòng chống HIV/AIDS				
-	Số mẫu giám sát phát hiện HIV (gồm giám sát trọng điểm và giám sát phát hiện)	Mẫu	25	25	
-	Tỷ lệ phụ nữ mang thai có HIV dương tính được điều trị dự phòng lây từ mẹ sang con	%	90	90	
-	Tỷ lệ người nhiễm HIV mắc lao được điều trị đồng thời cả lao và ARV	%	90	90	
-	Tỷ lệ người nhiễm HIV được điều trị ARV	%	90	90	
G	PHÁT TRIỂN GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO				
I	Giáo dục mầm non				
1	Tổng số trường	Trường	7	7	
2	Tổng số trẻ	Cháu	2.371	2.371	
-	Tỷ lệ trẻ 5 tuổi đi học mẫu giáo	%	99,9	99,9	
II	Giáo dục phổ thông				
-	Tỷ lệ huy động trẻ em (6-14 tuổi) đến trường	%	99,50	99,50	
1	Cấp tiểu học				
-	Tổng số trường	Trường	8	8	
+	Trong đó: Trường PTDTBT	Trường	6	6	
-	Tổng số lớp tiểu học	Lớp	138	138	
-	Tổng số học sinh tiểu học	Học sinh	3.339	3.339	
+	Trong đó: Tuyển mới vào lớp 1	Học sinh	688	688	
-	Học sinh Phổ thông DTBT	Học sinh	1.939	1.939	
-	Tỷ lệ trẻ em 6 tuổi vào lớp 1	%	100	100	

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Kế hoạch năm 2025		Ghi chú
			Tỉnh giao	Xã giao	
2	Cấp Trung học cơ sở				
-	Tổng số trường	Trường	7	7	
+	Trong đó: Trường THCS	Trường	2	2	
+	Trường Phổ thông cơ sở (Trường TH&THCS)	Trường	1	1	
+	Trường Phổ thông DTBT	Trường	4	4	
-	Tổng số lớp Trung học cơ sở	Lớp	74	74	
-	Tổng số học sinh Trung học cơ sở	Học sinh	2.762	2.762	
+	Trong đó: Tuyển mới vào lớp 6	Học sinh	646	646	
-	So với học sinh tốt nghiệp tiểu học	%	99,2	99,2	
-	Học sinh Phổ thông DTBT	Học sinh	1.422	1.422	
-	Tuyển mới vào phổ thông dân tộc nội trú huyện	Học sinh			
3	Phổ cập giáo dục				
-	Số xã duy trì đạt chuẩn XMC	xã	1	1	
-	Số xã duy trì đạt chuẩn PCGDTH	xã	1	1	
-	Số xã duy trì đạt chuẩn PCGDTHCS	xã	1	1	
-	Số xã đạt chuẩn PCGDMN 5 tuổi	xã	1	1	
5	Số trường đạt chuẩn quốc gia	Trường	19	19	
-	Tỷ lệ trường học đạt chuẩn quốc gia	%	86,36	86,36	
	Trong đó				
5.1	Mầm non	Trường	6	6	
5.2	Tiểu học	Trường	6	6	
5.3	Trung học cơ sở	Trường	7	7	
6	Tỷ lệ học sinh được học ngoại ngữ, tin học	%	100	100	
7	Tỷ lệ giáo viên đạt trên chuẩn về trình độ đào tạo	%	25	25	
III	Giáo dục thường xuyên				
2	Tỷ lệ người biết chữ	%	99,07	99,07	
-	Tỷ lệ người biết chữ mức 1	%	99,84	99,84	
-	Tỷ lệ người biết chữ mức 2	%	98,30	98,30	
H	PHÁT TRIỂN SỰ NGHIỆP VĂN HÓA				
1	Số gia đình đạt chuẩn văn hóa	Gia đình		5.577	
2	Tỷ lệ gia đình đạt chuẩn văn hoá	%	83,00	87,85	
3	Số làng bản, tổ dân phố văn hóa	Thôn, tổ		51,00	
4	Tỷ lệ thôn, tổ dân phố đạt chuẩn VH	%	76	86,40	
8	Du lịch				
-	Tổng số lượt khách tham quan du lịch trên địa bàn	Nghìn lượt	710	750	
-	Tổng thu từ khách du lịch trên địa bàn	Tỷ đồng	3.160	3.200	
I	LAO ĐỘNG, GIẢI NGHỀ				
-	Số lao động được giải quyết việc làm mới trong năm	Người	265	265	
-	Tỷ lệ lao động qua đào tạo	%	75	75	
-	Tỷ lệ lao động qua đào tạo được cấp các văn bằng, chứng chỉ	%	40	40	

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Kế hoạch năm 2025		Ghi chú
			Tỉnh giao	Xã giao	
-	Tỷ lệ giảm hộ nghèo	%	8,27	8,27	
K	SỐ NGƯỜI TRONG ĐỘ TUỔI THAM GIA BHXH	Người	3.205	3.205	
-	Số người trong độ tuổi tham gia BHXH bắt buộc	Người	2.076	2.076	
-	Số người trong độ tuổi tham gia BHXH tự nguyện	Người	1.129	1.129	
-	Số người trong độ tuổi tham gia BH thất nghiệp	Người	1.823	1.823	
-	Tỷ lệ số người trong độ tuổi tham gia BHXH	%	19,58	19,58	
-	Tỷ lệ tham gia BHXH bắt buộc	%	12,68	12,68	
-	Tỷ lệ tham gia BHXH tự nguyện	%	6,90	6,90	
-	Tỷ lệ tham gia BHXH thất nghiệp	%	11,14	11,14	
L	PHÁT TRIỂN CHÍNH QUYỀN ĐIỆN TỬ				
-	Tỷ lệ thủ tục hành chính đáp ứng yêu cầu được triển khai dịch vụ công trực tuyến toàn trình	%		100	
-	Tỷ lệ hồ sơ được giải quyết trực tuyến toàn trình (trên tổng số hồ sơ phát sinh của các dịch vụ công trực tuyến)	%		92	
M	GIẢI QUYẾT KHIẾU NẠI, TỔ CÁO				
-	Tỷ lệ đơn thư khiếu nại, tố cáo được thẩm tra, xác minh, kết luận và ban hành quyết định giải quyết trong thời hạn quy định đối với cấp xã	%	>90	>90	
N	TRẬT TỰ XÃ HỘI				
-	Tỷ lệ thôn đạt xuất sắc trong phong trào Toàn dân bảo vệ an ninh tổ quốc	%		80	
-	Tỷ lệ giải quyết các vụ án	%		100	